

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ

Ngày 31/12/2025	67,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.9%	-5.3%	-

DT thuần Q4/25	151	tỷ VNĐ
QoQ:	▲ 22.0	17.1%
YoY:	▼23.0	-13.2%

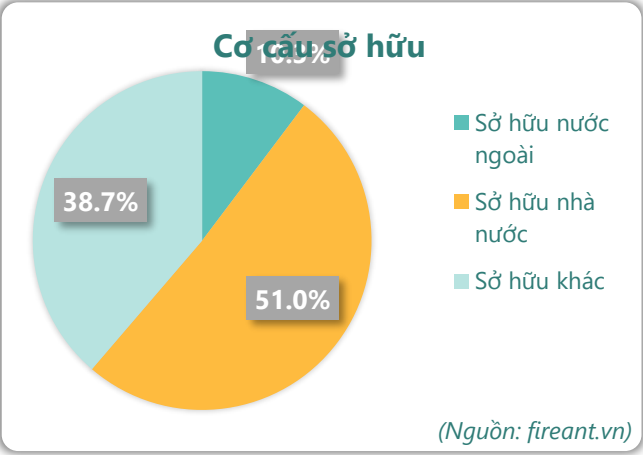
LN thuần Q4/25	143	tỷ VNĐ
QoQ:	▲ 48.4	51.3%
YoY:	▲ 66.6	87.4%

LN sau thuế Q4/25	125	tỷ VNĐ
QoQ:	▲ 43.7	54.0%
YoY:	▲ 63.2	103%

Tỷ suất lãi EBIT 2025	69.0%
YoY:	+/-▲ 11.0%

ROE 2025	22.9%
YoY:	+/-▼ 0.6%

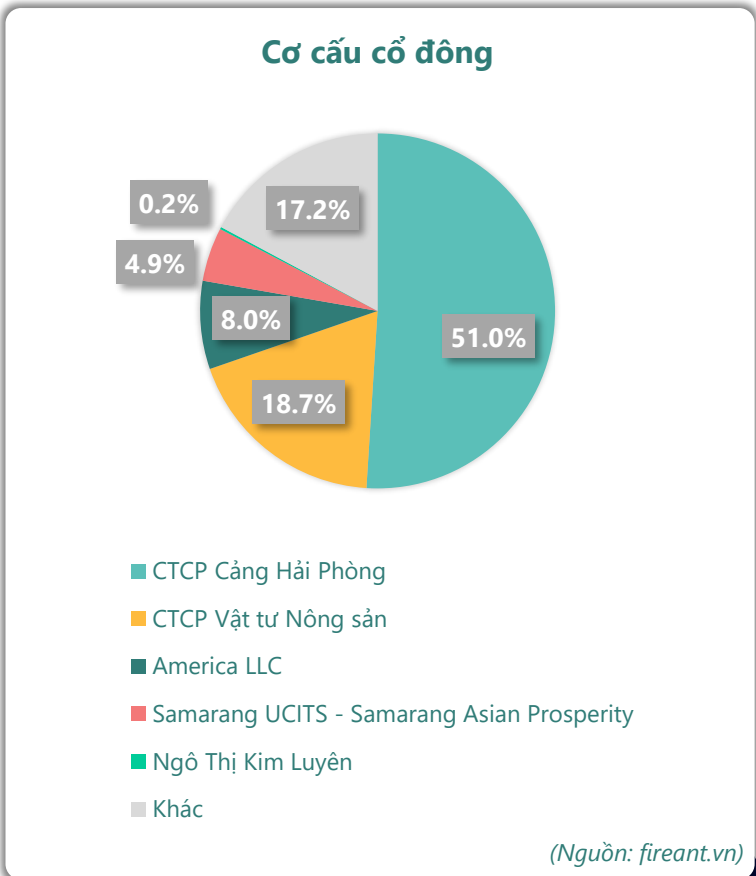
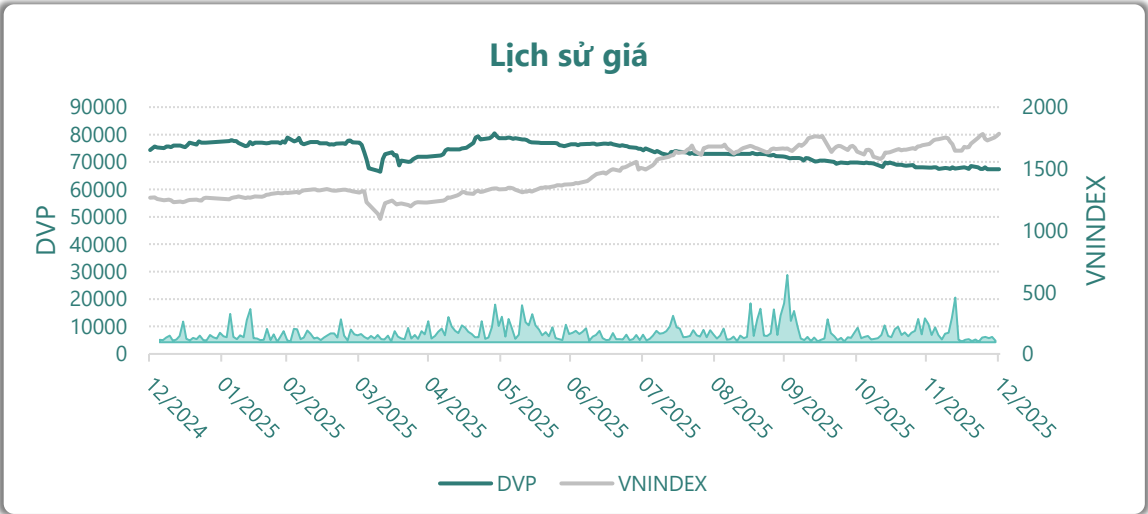
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	66,442 - 80,444
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,696
Số lượng CPLH (CP)	40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,730
Sở hữu nước ngoài	10.3%
Beta	0.07
EPS	8,454
P/E	8.0



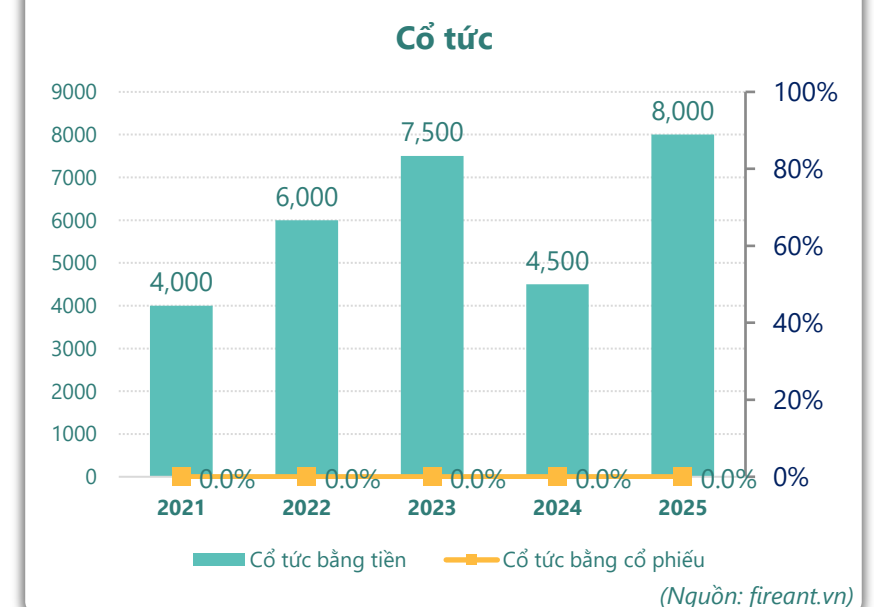
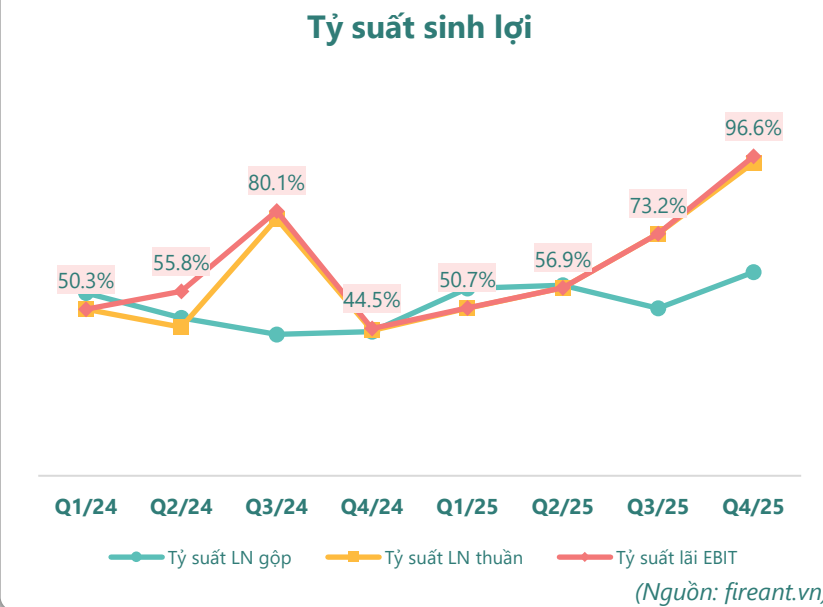
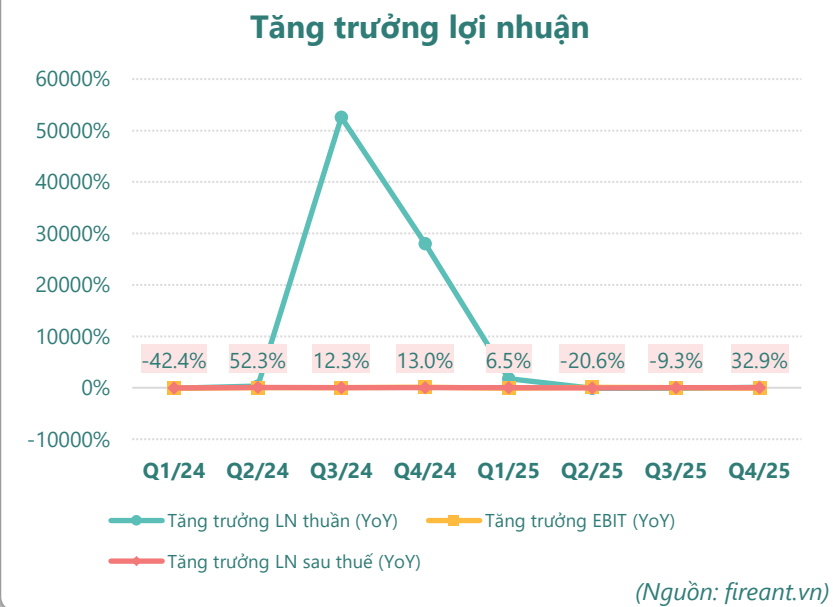
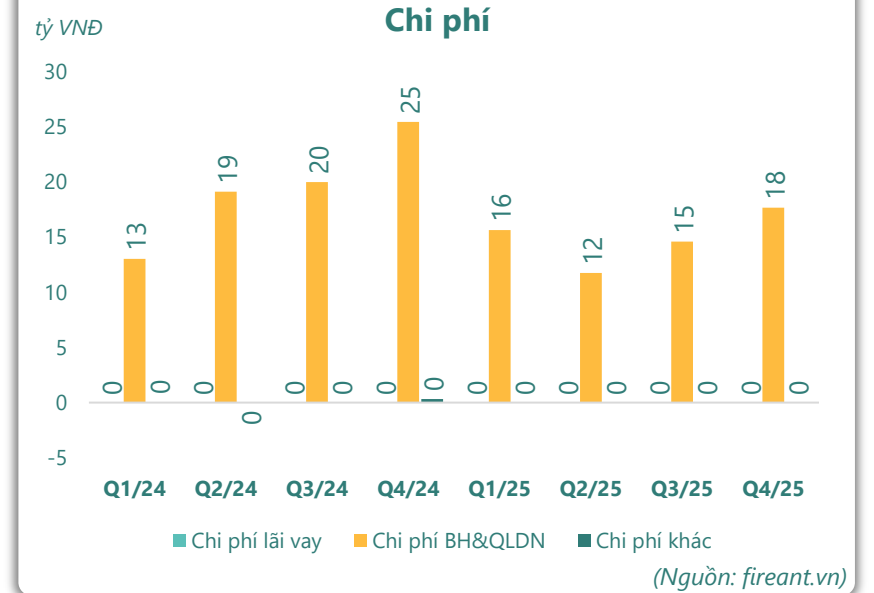
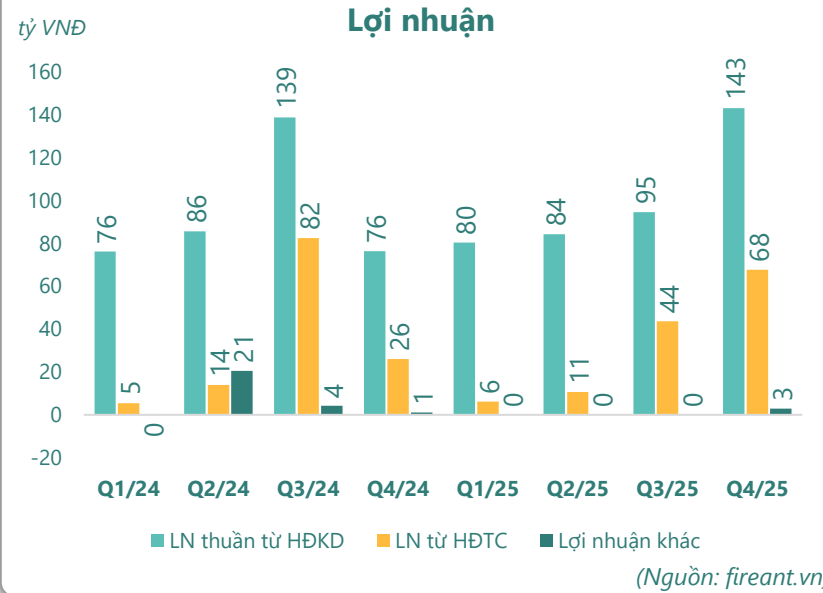
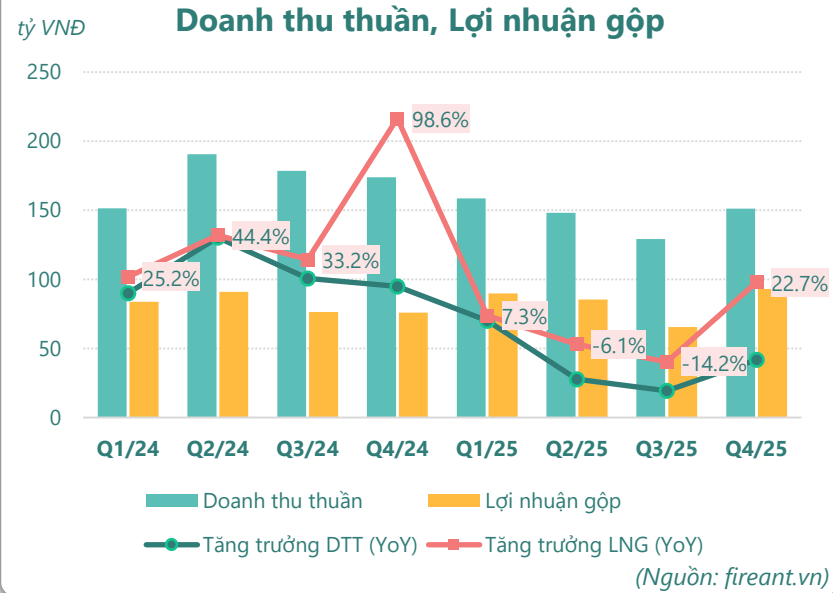
DT thuần 2025	587	tỷ VNĐ
YoY:	▼107	-15.4%

LN thuần 2025	402	tỷ VNĐ
YoY:	▲ 25.0	6.7%

LN sau thuế 2025	338	tỷ VNĐ
YoY:	▲ 2.00	0.6%



KẾT QUẢ KINH DOANH

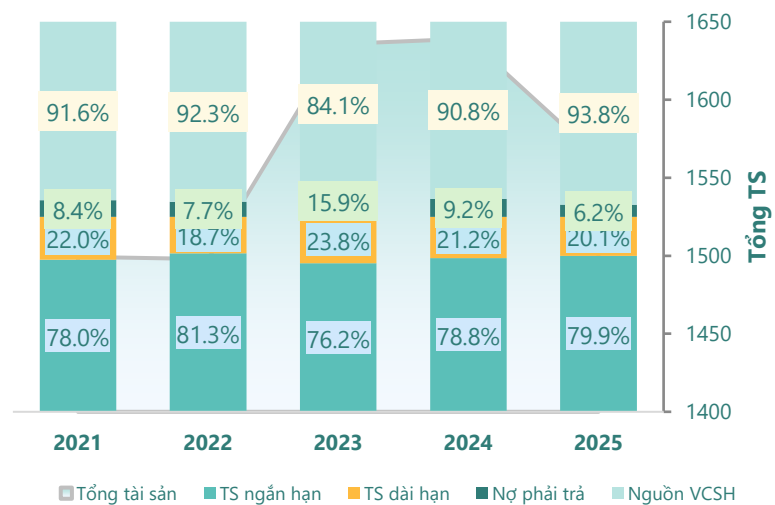




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

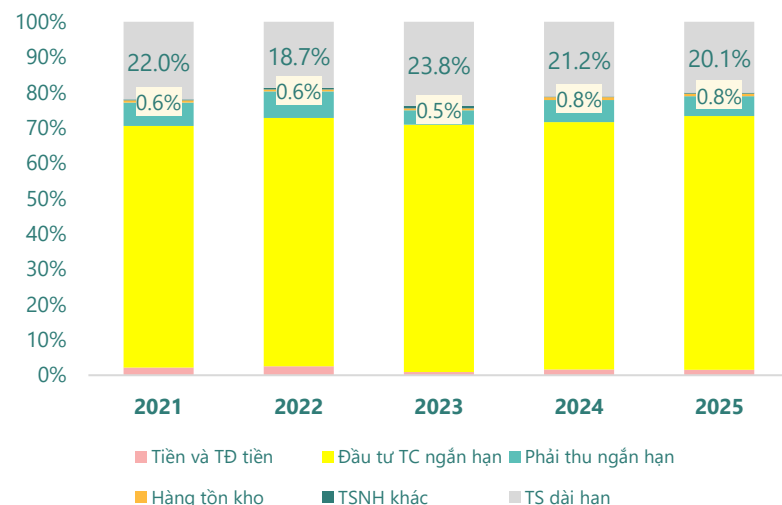
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

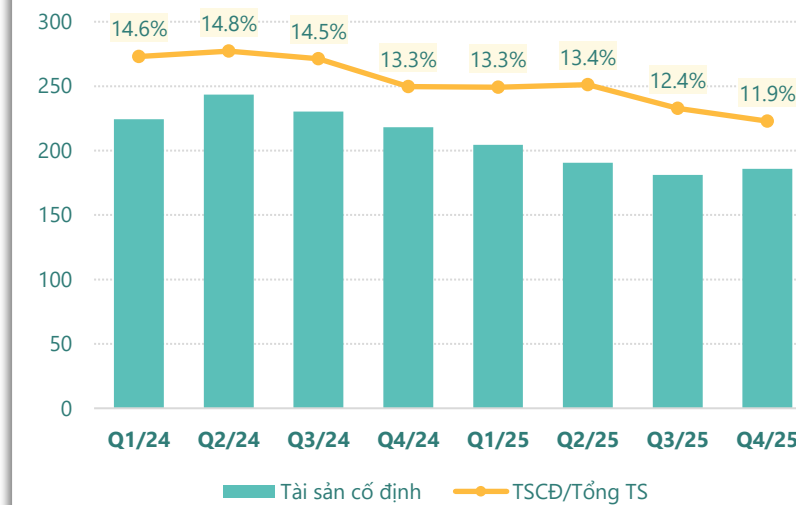
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

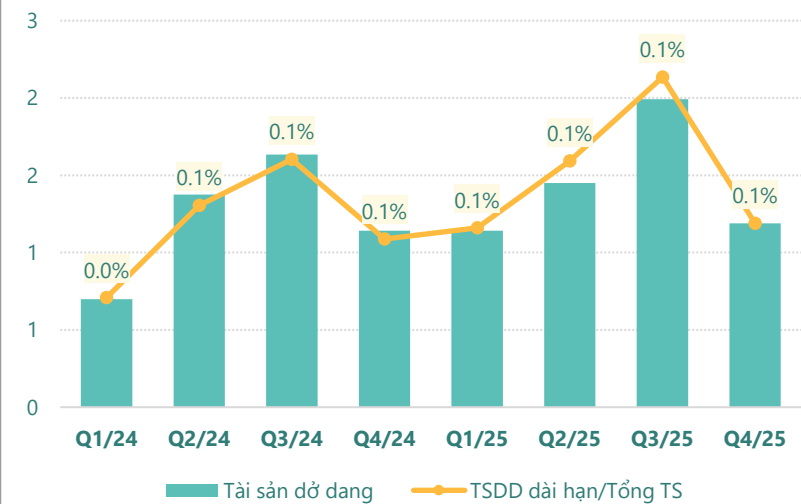
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

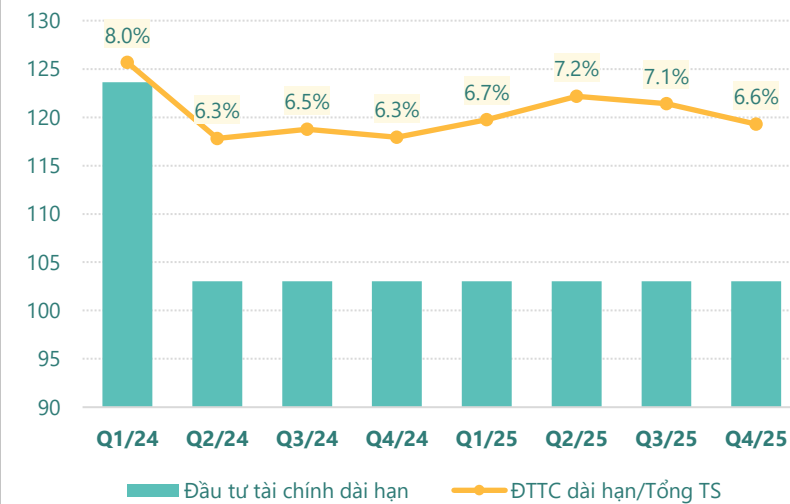
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

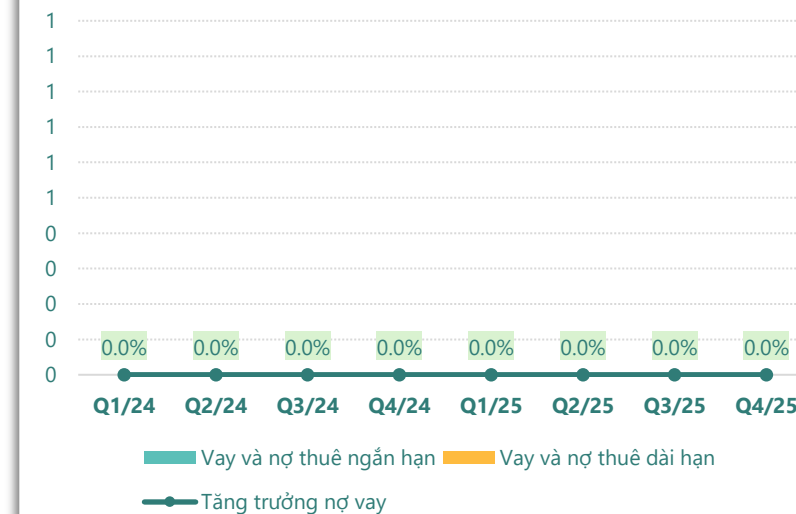
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

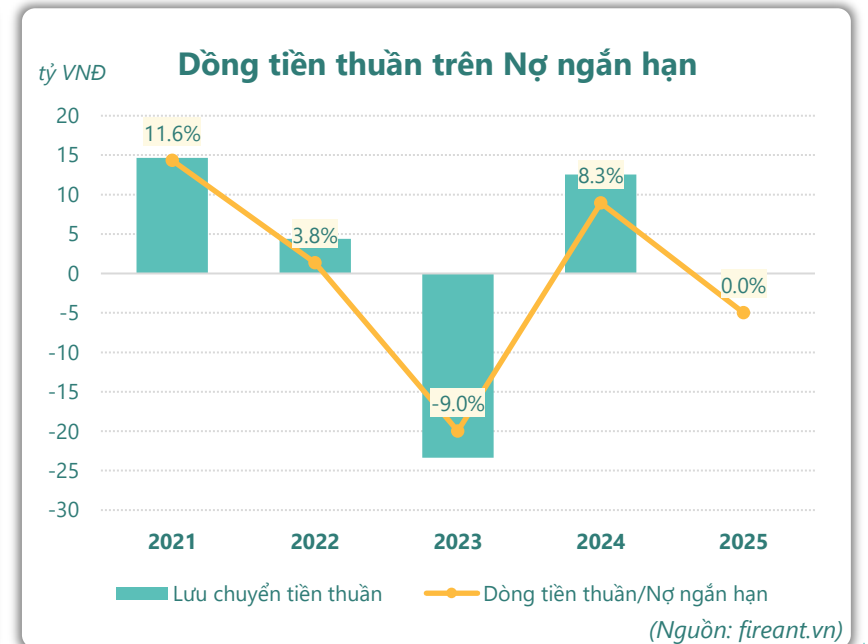
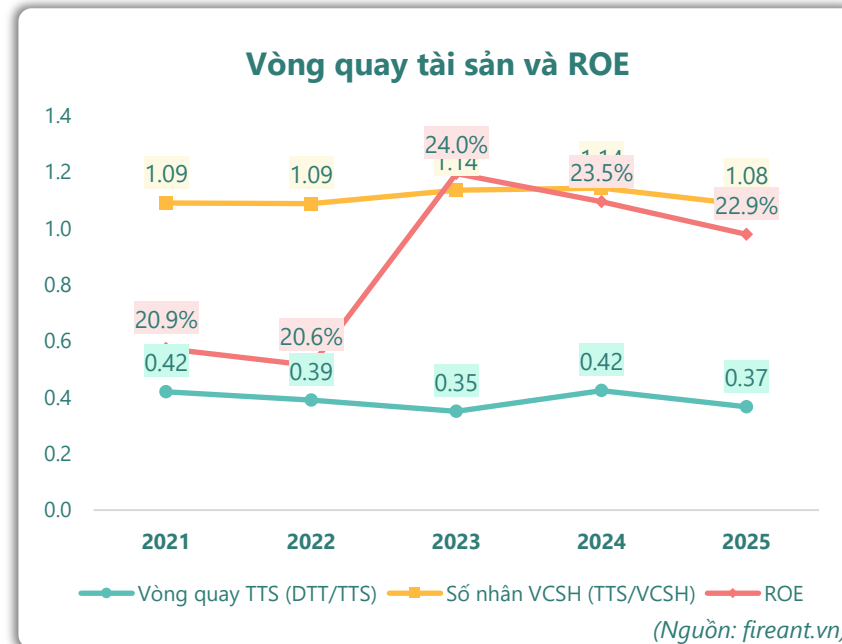
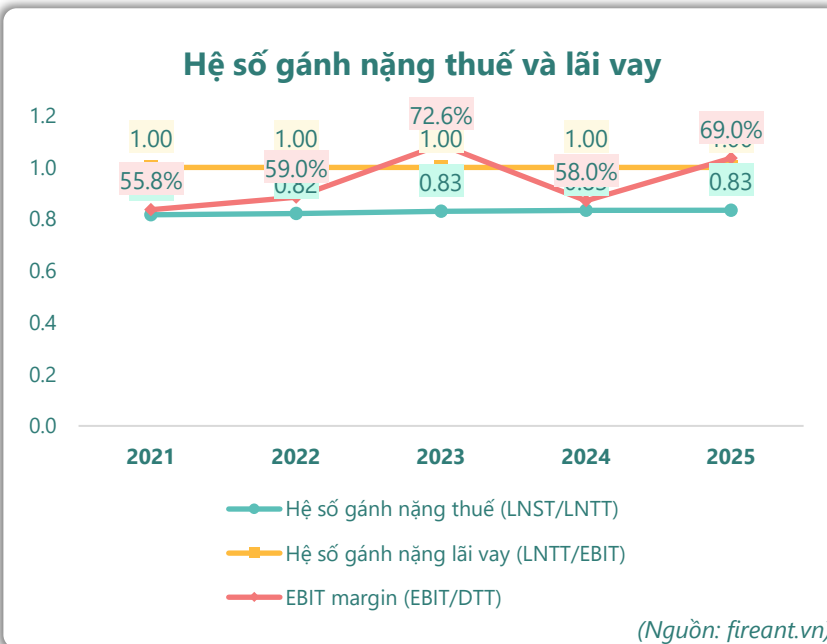
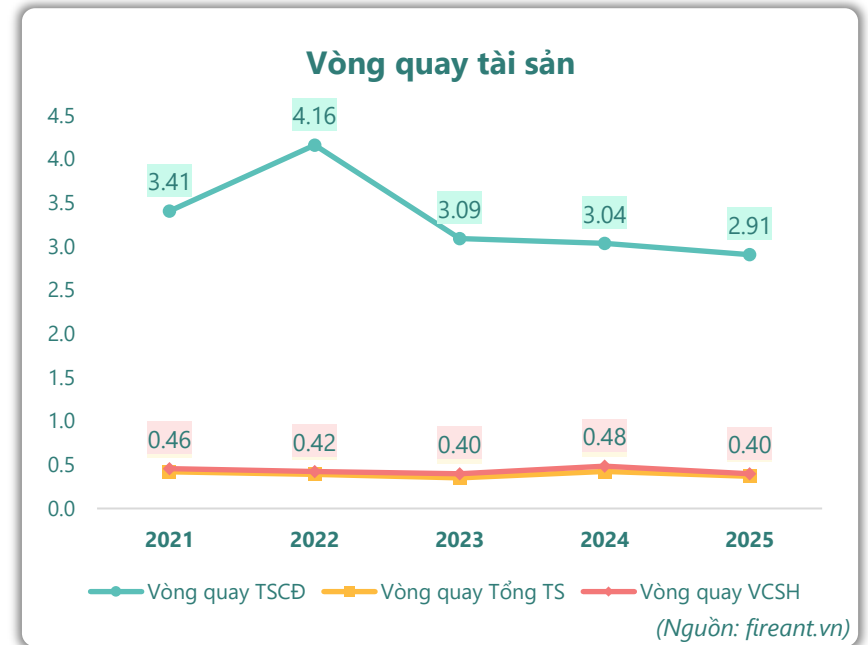
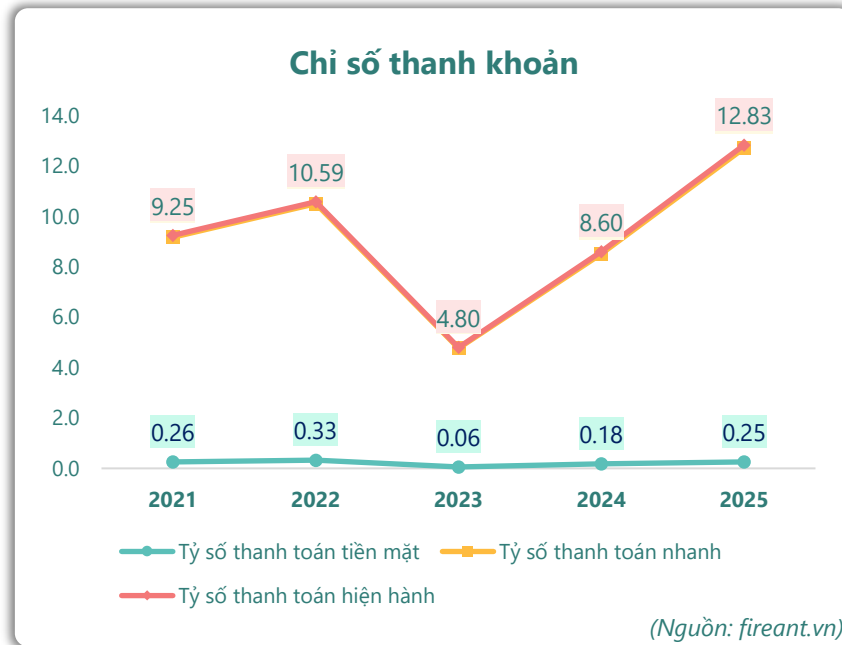
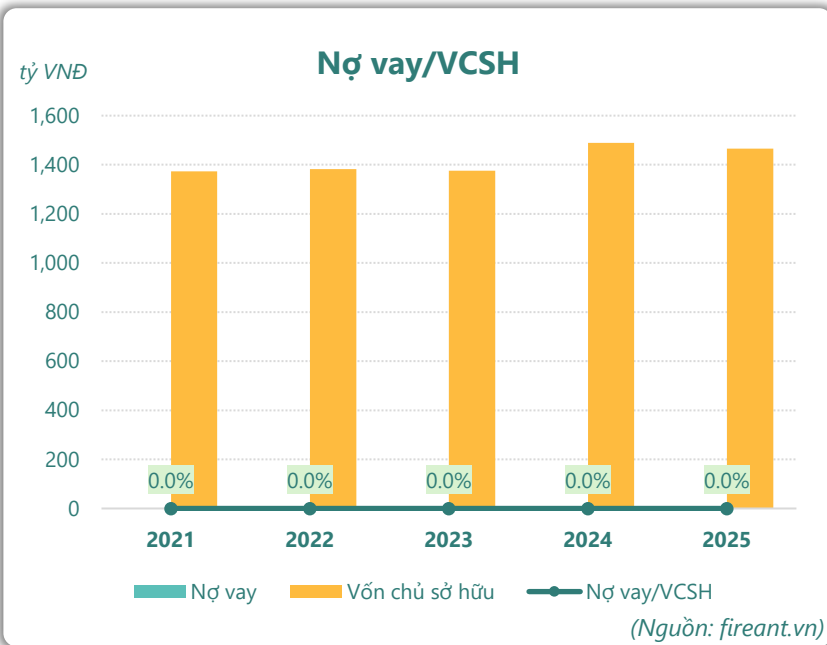
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	151	174	-13.2%	587	694	-15.4%
Giá vốn hàng bán	58.0	98.1	-40.8%	253	367	-31.0%
Lợi nhuận gộp	93.1	75.8	22.8%	334	327	2.1%
Doanh thu HĐTC	67.9	26.1	160%	128	128	0.3%
Chi phí TC	0.14	0.00		0.15	0.03	381%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.46	0	
Chi phí QLDN	17.7	25.5	-30.6%	59.3	77.7	-23.7%
LN thuần từ HĐKD	143	76.4	87.4%	402	377	6.7%
Lợi nhuận khác	2.86	1.04	175%	2.98	25.9	-88.5%
LN trước thuế	146	77.5	88.4%	405	403	0.6%
Lợi nhuận sau thuế	125	61.8	103%	338	336	0.6%
LNST của CĐ cty mẹ	125	61.8	103%	338	336	0.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	59.1	48.9	25.6	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	106	-46.0	118	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-180	0	-120	0	0	0
Tiền đầu kỳ	39.0	23.8	27.3	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	-14.6	2.83	23.8	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.61	0.61	0.01	0	0	0
Tiền cuối kỳ	23.8	27.3	51.0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,563	1,639	-4.7%
Tài sản ngắn hạn	1,249	1,292	-3.3%
Tiền và tương đương tiền	24.7	27.3	-9.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,122	1,147	-2.2%
Phải thu ngắn hạn	86.4	102	-15.6%
Hàng tồn kho	12.1	13.1	-8.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.52	1.99	77.1%
Tài sản dài hạn	314	347	-9.6%
Phải thu dài hạn	0.05	0.09	-44.1%
Tài sản cố định	186	218	-14.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.19	1.14	4.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	103	103	0.0%
Tài sản dài hạn khác	24.2	24.9	-3.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	97.3	150	-35.2%
Nợ ngắn hạn	97.3	150	-35.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	12.7	14.4	-12.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,466	1,489	-1.6%
Vốn chủ sở hữu	1,466	1,489	-1.6%
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

